

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 735/2021/LĐ-PT
Ngày: 28-12-2021
V/v: Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Sang

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Hoàng Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án lao
động phúc thẩm thụ lý số: 24/2021/TLPT-LĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc:
“Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021
của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4640/2021/QĐ-PT ngày
06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Kiều T, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: 112A, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa
chỉ tạm trú: Số 125K T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Nguyên L, sinh năm
1970; địa chỉ: 384/8B N, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Văn
bản ủy quyền ngày 01/7/2020 (vắng mặt khi tuyên án).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E ; Trụ sở: Số 68 đường V, phường Đ,
Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thiều H – Chức vụ: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thụy Diễm C , sinh năm 1991; địa chỉ: 81/92 V , Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Kiều T do người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Nguyễn L trình bày:

Ngày 03/8/2019, bà Phạm Kiều T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E (sau đây gọi tắt là Công ty E) ký kết Hợp đồng lao động số 31/HĐLD với chức danh là Trưởng phòng Marketing, loại hợp đồng có thời hạn, thời gian làm việc là 43 giờ/tuần, công việc phải làm theo chuyên môn dưới sự điều hành của Ban giám đốc, lương trong hợp đồng là 4.480.000 đồng/tháng, lương thực lãnh 18.000.000 đồng/tháng.

Trong khi mọi việc đang thực hiện bình thường thì bất ngờ đầu tháng 9/2019, bà Lê Thiều H – Giám đốc công ty thông qua bộ phận kế toán kêu bà T nghỉ và bàn giao công việc, bà T yêu cầu cho biết lý do nhưng không ai có trách nhiệm giải thích. Trước tình hình như vậy, bà T vẫn đi làm bình thường, tuy nhiên khi bà T thực hiện các thao tác trên máy và báo cáo hàng ngày thì email cá nhân của bà T đã bị khóa. Bà T đề nghị gặp Ban giám đốc để yêu cầu làm rõ mọi chuyện nhưng bà Hạnh tìm cách tránh né và thông qua bộ phận kế toán thông báo bà T phải bàn giao công việc cho người khác. Sau nhiều lần yêu cầu, Công ty gửi cho bà T quyết định thôi việc vào ngày 30/9/2019 nhưng đề ngày 31/8/2019. Quyết định cũng không nêu lý do cho thôi việc mà chỉ ghi bà T có thể nghỉ ngay khi bàn giao công việc, tháng lương còn lại sẽ chuyển vào ngày 30/9/2019.

Nhận thấy, quyền và lợi ích bị xâm phạm nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu:

- Hủy Quyết định cho thôi việc số 06/2019-QDTV ngày 31/8/2019 vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;

- Thanh toán số tiền lương trong thời gian nghỉ việc tạm tính đến ngày 26/5/2020 là $18.000.000 \times 8 \text{ tháng} = 144.000.000$ (từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020);

- Tiếp tục đóng bảo hiểm 21% trong thời gian nghỉ việc là 30.240.000 đồng;

- Nhận bà Phạm Kiều T trở lại làm việc theo đúng quy định;

- Buộc bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 36.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T yêu cầu là 210.240.000 đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E do người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thụy Diễm C trình bày:

Ngày 03/8/2019, Công ty E và bà T có ký Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ theo đó bà T được tuyển dụng vào làm việc tại phòng Marketing, mức lương chính là 4.480.000 đồng/tháng. Ngoài ra tùy vào công việc hàng tháng bà T sẽ được nhận thêm khoản tiền tính trên kết quả công việc của tháng hoặc một kỳ nhất định, khoản này không cố định.

Sau một thời gian làm việc, bà T và Công ty cùng nhận thấy là công việc không phù hợp với khả năng và tính cách của bà T cũng như yêu cầu của Công ty. Vì vậy, bà T và đại diện Công ty đã cùng nhau trao đổi những vấn đề không phù hợp này, sau đó cả hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 31/8/2019.

Khi các bên chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên đã thống nhất thanh toán thêm số tiền 15.550.000 đồng (tương đương 03 tháng tiền lương cơ bản). Bà T đã nhận tiền và không có bất cứ tranh luận hay bất đồng nào về việc chấm dứt hợp đồng này vào ngày 30/9/2019. Bà T cũng đã tích cực bàn giao công việc, tài liệu, thông tin lại cho nhân viên Công ty. Đồng thời, do hai bên cùng đồng ý chấm dứt hợp đồng nên Công ty không yêu cầu bà T làm đơn xin thôi việc.

Vì vậy, Công ty cho bà T thôi việc là có sự thỏa thuận giữa các bên nên việc bà T khởi kiện Công ty về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật cũng như các yêu cầu về bồi thường của bà T là không có căn cứ. Công ty không chấp nhận các yêu cầu bà T đưa ra và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán các số tiền cụ thể như sau:

Hủy Quyết định cho thôi việc số 06/2019-QĐTV ngày 31/8/2019 vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;

Thanh toán số tiền lương trong những ngày không được làm việc tạm tính đến ngày 30/3/2021 là $18.000.000 \times 18 \text{ tháng} = 324.000.000$ đồng (từ tháng 10/2019 đến tháng 30/3/2021);

Thanh toán tiền bảo hiểm 21% trong những ngày không được làm việc là 68.040.000 đồng;

Buộc bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 36.000.000 đồng.

Trường hợp Công ty không nhận bà Phạm Kiều T trở lại làm việc thì phải bồi thường 06 tháng tiền lương là 108.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 536.040.000 đồng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày: không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện và đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T:

- Hủy Quyết định cho thôi việc số 06/2019-QDTV ngày 31/8/2019;

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E trả tiền lương những ngày bà Phạm Kiều T không được làm việc từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 3 năm 2021 là 324.000.000 (Ba trăm hai mươi bốn triệu) đồng; Buộc bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn E không nhận bà Phạm Kiều T trở lại làm việc. Tổng cộng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải thanh toán là 396.000.000 (Ba trăm chín mươi sáu triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền 15.550.000 (Mười lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đã bồi thường trước đây. Như vậy tổng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải thanh toán cho bà Phạm Kiều T là 380.450.000 (Ba trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Việc thanh toán tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E (người sử dụng lao động) và bà Phạm Kiều T (người lao động) phải thực hiện việc đóng bảo hiểm bắt buộc thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2021 theo quy định của pháp luật tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E bồi thường 04 tháng tiền lương do không nhận bà Phạm Kiều T lại làm việc và buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E thanh toán tiền bảo hiểm 21% trong những ngày không được làm việc là 68.040.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kiều T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.880.000 (Mười một triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngày 14/4/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Kiều T có người đại diện là ông Hồ Nguyên L, không rút đơn khởi kiện, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn E có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thụy Diễm C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo là bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thụy Diễm C trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2021/LĐST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do Công ty ký hợp đồng lao động với bà Phạm Kiều T số 31/HĐLĐ là loại hợp đồng có thời hạn 12 tháng, khi làm hợp đồng do sơ suất nên không ghi thời hạn trong hợp đồng. Mức lương trong hợp đồng là 4.480.000 đồng. Do công việc không phù hợp với tính cách của bà T nên ngày 31/8/2019 Công tyE ban hành Quyết định thôi việc số 06/2019-QĐTV. Trước khi cho thôi việc, Công ty có thỏa thuận với bà T và được bà T đồng ý. Công ty đã trả lương đầy đủ và hai bên thống nhất thanh toán cho bà T thêm số tiền 15.550.000 đồng (Tương đương ba tháng lương cơ bản). Khi bà T nhận tiền, bàn giao công việc, và nhận quyết định bà T đã không thắc mắc hoặc khiếu nại. Như vậy là Công ty và bà T đã thống nhất thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty với bà T là hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương là 18.000.000đ/tháng, và cho rằng Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà T và buộc Công ty phải bồi thường cho bà T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn E và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Sửa bản án sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Phạm Kiều T có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Nguyên L trình bày:

Bị đơn xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bản án số 14/2021/LĐ-ST ngày 30/03/2021 là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy không kháng cáo, nhưng bị đơn đề nghị xem xét buộc Công tyE bồi thường cho bà T cho đến ngày xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về hình thức: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ ngày 03/8/2019 và bảng lương tháng 8/2019 do bị đơn cung cấp tại Tòa, thấy có đủ cơ sở để xác định hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 đến 36 tháng, mức lương chính trước khi bà T nghỉ việc là 4.480.000 đồng/tháng làm căn cứ để giải quyết tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 90 Bộ luật lao động, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Nguyên đơn bà Phạm Kiều T và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E có ký Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ ngày 03/8/2019 nội dung là Hợp đồng lao động có thời hạn; Chức danh chuyên môn: Trưởng phòng Marketing, công việc phải làm thực hiện theo đúng chức danh chuyên môn dưới sự quản lý, điều hành của Ban giám đốc; Mức lương chính hoặc tiền công: 4.480.000 đồng/tháng. Ngoài ra tùy vào công việc hàng tháng bà T sẽ được nhận thêm khoản tiền tính trên kết quả công việc của tháng hoặc một kỳ nhất định, khoản tiền này không cố định như thu nhập cộng thêm tùy theo năng suất lao động cả nhân, phụ cấp tiền ăn giữa ca, đồng phục, tiền thưởng.

Ngày 30/8/2019 Công ty E ban hành Quyết định số 06/2019-QDTV ngày 31/8/2019 cho bà T thôi việc và thông báo Hợp đồng lao động giữa Công ty và bà T sẽ chấm dứt kể từ ngày 30/9/2019. Bà T cho rằng Công ty cho bà T thôi việc không có lý do chính đáng, không báo trước là trái với quy định của pháp luật nên bà T khởi kiện yêu cầu Công ty E phải bồi thường cho bà T do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật với bà T nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T .

Phía bị đơn Công tyE cho rằng Công ty cho bà T thôi việc là có sự thỏa thuận giữa các bên theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012, việc thỏa thuận này được ghi trong Quyết định thôi việc số 06/2019-QDTV ngày 31/8/2019. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu Công ty bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ nên Công tyE kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn Công tyE , Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn Công tyE cho rằng việc cho bà T thôi việc là theo thỏa thuận của hai bên. Sau thời gian làm việc Công ty và bà T thấy công việc không phù hợp với khả năng của bà T nên hai bên cùng trao đổi thỏa thuận và thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 31/8/2019, do bà T đồng ý nên công ty không yêu cầu bà T làm đơn xin thôi việc. Công ty đã thanh toán tiền lương cho bà T đầy đủ, ngoài ra Công ty còn thanh toán thêm cho bà T 15.550.000 đồng tương đương 3 tháng tiền lương cơ bản. Bà T đã nhận tiền và bàn giao công việc, tài liệu, thông tin lại cho Công ty một cách nhiệt tình vui vẻ không thắc mắc khiếu nại gì. Ngoài ra việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà T có trao đổi qua email mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án. Như vậy, Công ty cho bà T thôi việc theo thỏa thuận được quy định tại khoản 3 điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012.

Xét thấy, việc bị đơn trình bày cho nguyên đơn nghỉ việc đã được các bên thỏa thuận với nhau bằng miệng nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận. Đối với email do bị đơn cung cấp nội dung email không thể hiện việc bàn giao công việc để chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận hay làm công việc khác, hình thức email không được lập vi bằng theo pháp luật quy định nên không được xem là chứng cứ để xem xét.

Tại Điều 1 Quyết định thôi việc số 06/2019/QDTV ngày 31/8/2019 thể hiện: *“Nay thỏa thuận cho ông (bà) có tên sau đây được nghỉ việc tại Công Ty TNHH E kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2019 và được hưởng các khoản trợ cấp thôi việc, BHXH theo luật định: Ông (Bà): Phạm Kiều T; Sinh ngày: 03/08/1984 Chức vụ: Trưởng phòng Marketing”*. Nội dung Quyết định không nêu rõ lý do thỏa thuận thôi việc.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên thì việc Công tyE chấm dứt hợp đồng lao động bà T là trái quy định của pháp luật. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có cơ sở. Do Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái

pháp luật nên phải bồi thường cho bà T theo Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[3.1] Về thời hạn hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ ngày 03/8/2019 có ghi loại hợp đồng có thời hạn nhưng không ghi thời hạn là bao nhiêu tháng là có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến quan hệ lao động, phù hợp với Điều 15, Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012 nên phát sinh hiệu lực.

Hợp đồng mà hai bên ký kết là hợp đồng lao động có thời hạn được xác định thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong không quá 36 tháng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2012. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là không phù hợp với pháp luật, nên cần phải sửa phần này.

Do người lao động và người sử dụng lao động không thống nhất về thời hạn, bà T làm việc cho Công ty từ ngày 03/8/2019 đến 31/8/2019 chỉ được 01 tháng thì nghỉ nên chưa đóng góp được gì cho Công ty. Trong thời gian này dịch bệnh Covid -19 đang hoành hành trên cả nước, Công ty cũng bị tạm dừng hoạt động theo chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, do đó Công ty không có doanh thu, rất khó khăn về kinh tế.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ ngày 03/8/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng lao động có xác định thời hạn là 12 tháng.

[3.2] Về mức lương: Nguyên đơn cho rằng lương thực lãnh là 18.840.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền bồi thường theo mức lương là 18.000.000 đồng và căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012.

Theo Hợp đồng lao động số 31/HĐLĐ ngày 03/8/2019, Công ty và bà T thỏa thuận mức lương chính hoặc tiền công là 4.480.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào Sổ BHXH số 0205212803 thì tiền đóng cho BHXH cho bà T là 4.480.000 đồng/tháng.

Theo Khoản 1 Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Bộ luật lao động 2012 quy định tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động không phải là căn cứ để tính tiền lương nghỉ việc.

Như vậy, mức lương đề trả cho bà T trong những ngày không được làm việc theo hợp đồng lao động không tính phụ cấp, tiền ăn giữa ca, đồng phục là 4.480.000 đồng/tháng mới phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ

thảm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn mức lương 18.000.000 đồng/tháng là không chính xác nên cần phải sửa phần này.

[3.3] Về Bảo hiểm:

Căn cứ vào công văn số 4368/BHXXH-QLT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi nghỉ việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn E từ tháng 9/2019 thì đến tháng 8/2020 bà T làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH I Việt Nam. Do đó chỉ cần buộc người lao động và người sử dụng lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà T từ tháng 10/2019 đến tháng 7/2020. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E và bà Phạm Kiều T phải thực hiện việc đóng bảo hiểm bắt buộc thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2021 là không có căn cứ nên cần phải sửa.

[3.4] Về yêu cầu bồi thường 06 tháng tiền lương do không muốn nhận người lao động trở lại làm việc.

Theo khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: *“Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý thì ngoài khoản tiền người sử dụng lao động phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm cho người lao động nhưng ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động”*.

Xét thấy, khi Công ty cho bà T thôi việc hai bên không thỏa thuận bồi thường thêm. Hiện nay bà T đang có việc làm ổn định tại Công ty TNHH DVBS S. Do đó, yêu cầu của bà T buộc Công ty bồi thường 6 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là không có căn cứ nên hội đồng xét xử không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương do không nhận bị đơn trở lại là không đúng với quy định của pháp luật.

[3.5] Về số tiền 15.550.000 đồng, tương đương 03 tháng lương cơ bản Công ty cho rằng là để hỗ trợ cho bà T trong việc thỏa thuận thôi việc.

Đại diện nguyên đơn cho rằng số tiền 15.550.000 đồng là tiền Công ty trả lương tháng 9/2019 cho bà T, để chứng minh cho lời trình bày của mình, phía nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử bảng sao kê tài khoản tháng 9/2019 của bà T.

Xét bảng sao kê tài khoản tháng 9/2019 của bà T mà phía đại diện nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn có chuyển vào tài khoản cho nguyên đơn số tiền 15.500.000 đồng, nội dung là trả lương tháng 9/2019. Như vậy số tiền 15.550.000 đồng là tiền bị đơn trả lương tháng 9/2019 cho nguyên đơn, không phải là tiền hỗ trợ cho nguyên đơn để thỏa thuận thôi việc nên không được trả lại cho bị đơn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cũng không có yêu cầu đòi lại số tiền này mà Tòa án

cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả lại số tiền 15.550.000 đồng cho bị đơn là không đúng, cần phải rút kinh nghiệm.

Do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản sau:

Tiền lương cho những ngày không được làm việc tính từ tháng 10/2019 đến tháng 7/2020 là: 4.480.000 đồng x 10 tháng = 44.800.000 đồng;

Thanh toán 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 4.480.000 đồng x 2 tháng = 8.960.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 53.760.000 đồng.

Do bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn 53.760.000 đồng nên cần phải sửa lại phần này và phần án phí sơ thẩm.

Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E . Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[4.2]. Án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 15, 20, 23, 36, 42 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Bộ luật lao động 2012;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E . Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 14/2021/LĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T.

- Tuyên bố Quyết định thôi việc số 06/2019/QDTV ngày 31/8/2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn E chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phạm Kiều T là trái pháp luật.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E trả tiền lương cho những ngày bà Phạm Kiều T không được làm việc 44.800.000 (Bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 8.960.000 (Tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải thanh toán cho bà Phạm Kiều T là 53.760.000 (Năm mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E và bà Phạm Kiều T phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp đối với thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 7/2020 theo quy định pháp luật tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E bồi thường 06 tháng tiền lương do không nhận bà Phạm Kiều T lại làm việc.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều T về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E thanh toán tiền bảo hiểm 21% trong những ngày không được làm việc là 68.040.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1 Án phí lao động sơ thẩm: là 1.612.800 (Một triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm) đồng do bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải nộp cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4.2. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Hoàn lại số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0030677 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Sang

